

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 25/2018/DSST-HNGĐ

Ngày: 06/4/2018

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Lê Anh Quốc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Phan Công Ny**

2/ Bà **Phạm Thị Thiện**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà **Trần Thị Phương Anh** – Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 544/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 08 năm 2017 về vụ tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn :** Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1968;

ĐKTT: 137 – T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Võ Hồ Thế Phương** – Công ty Luật hợp danh Anh Em Luật sư – Chi nhánh Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1975; Vắng mặt tại phiên tòa.

ĐKTT: 106-108, đường số 23, KDC A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 03 năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa ông bà P sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ đầu năm 2017 đến nay ông bà không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 15/11/2006, khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N thì ông T đồng ý giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung, nợ chung: ông T trình bày không có, không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ cho bà N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* ông T và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 03 năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống P sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N. Tranh chấp này được xác định là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tổng đạt cho bị đơn thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đồng ý ký nhận nên việc tổng đạt trực tiếp không tiến hành được. Vì vậy, tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của P luật nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án theo thời gian được thông báo, nên không thể tiến hành hòa giải được. Sau đó Tòa án tiếp tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

[4] *Xét về nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và N sống chung với nhau như vợ chồng tuy không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng các bên không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo lời trình bày của ông T thì trong quá trình chung sống ông, bà P sinh nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ năm 2017. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T bà N có 01 con chung là cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 15/11/2006, ông T đồng ý giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của ông T, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về T sản chung và nợ chung: Do xét xử vắng mặt bà N nên không đặt ra xem xét giả quyết vấn đề T sản chung và nợ chung. Nếu sau này P sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Khoản 7 Điều 28, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh N.

2. ***Về con chung:*** Giao cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 15/11/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

3. ***Về T sản chung, nợ chung:*** Do xét xử vắng mặt bà N nên không xem xét, nếu sau này P sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. ***Về án phí sơ thẩm:*** Ông Đỗ Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 004227 ngày 14/8/2017 thành án phí, ông T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ,
- VKSND Q. Ninh Kiều,
- THADS Q. Ninh Kiều,
- Các đương sự,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Anh Quốc